

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-ST

Ngày 26/9/2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản
và hợp đồng vay tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên

- Các Hội thẩm nhân dân

1. Ông Trần Văn Thiện

2. Bà Giáp Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Xuân Trường – Thẩm tra viên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 173/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự.

* Nguyên đơn: Ông Trần Văn Kh, sinh năm 1954 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Liên C, xã Đại H, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn Đồi Ch, xã Đại H, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi ĐKHTTT: Thôn Đồi Ch, xã Đại H, huyện Tân Yên, Bắc Giang.

Nơi ở hiện nay: phố Tiến Th, thị trấn Nhã N, Tân Yên, Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là ông Trần Văn Kh trình bày:

Ông mở cửa hàng bán nguyên vật liệu và bán sơn, vào năm 2018 anh Đ đến cửa hàng ông đặt vấn đề mua nguyên vật liệu, mua sơn, khi mua có thỏa thuận trả tiền ngay thì ông sẽ chiết khấu cho 40% còn nếu chịu thì không chiết khấu phần trăm mà phải trả đúng giá sơn. Sau khi anh Đ tự chọn màu sơn, loại sơn thì ông đã chở sơn theo đúng số lượng, chủng loại đến cho anh Đ nhận hàng, viết hóa đơn từng loại hàng sơn, từng giá tiền vào hóa đơn đưa cho anh Đ nhận, ông không giữ lại hóa đơn nào cũng không có sổ sách lưu giữ việc anh Đ ký

nhận các mã sơn. Trong sổ bán hàng nguyên vật liệu ông đang giữ thì tại giấy bán hàng có ghi 30/12/2018 “Đ Nợ” 5.580.000 đồng đã trả 2.000.000 đồng còn 3.580.000 đồng thì các chữ và số bên trên là do ông viết còn anh Đ chỉ ghi 2 chữ là “Đ Nợ”. Sau khi anh Đ không có tiền trả số tiền sơn ngay nên ngày 20/5/2020 anh Đ đã tự viết và tự ký tên Phạm Văn Đ trong giấy nhận nợ với số tiền nợ là 50.000.000 đồng bao gồm tiền sơn là 42.180.000 đồng và ông có cho vay thêm 7.820.000 đồng, sau đó chốt nợ tại giấy nhận nợ ngày 20/5/2020 với số tiền nhận nợ là 50.000.000 đồng và có hẹn trả vào ngày 30/12/2020, thỏa thuận lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng và sau đó anh Đ có trả cho ông 500.000 đồng tiền lãi 01 tháng. Sau đó, ông có đòi tiền nhiều lần nhưng anh Đ không trả. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ông yêu cầu anh Phạm Văn Đ có trách nhiệm trả số tiền 53.580.000 đồng và tiền lãi tính mức lãi suất là 0,9 %/năm kể từ ngày 20/5/2020 đến ngày 31/8/2022 với số tiền lãi suất là 11.700.000 đồng nhưng tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 30/8/2022 ông đã tự nguyện xin rút phần yêu cầu về số tiền gốc mua nguyên vật liệu xây dựng là 3.580.000 đồng. Nay ông chỉ yêu cầu anh Đ trả số tiền mua sơn còn nợ 42.180.000 đồng cộng với số tiền vay thêm là 7.820.000 đồng, tổng cộng là 50.000.000 đồng và số tiền lãi của số tiền này tính mức lãi suất theo lãi suất ngân hàng kể từ ngày 20/5/2020 đến ngày 31/8/2022 (27 tháng 11 ngày) với số tiền lãi suất 11.700.000 đồng.

- *Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn là ông Phạm Văn Đ trình bày:*

Vào năm 2018 anh có trông nom công trình xây dựng nhà ở cho anh Bế Ích Vụ, sinh năm bao nhiêu anh không nhớ chính xác, quê quán ở đâu anh không rõ cụ thể mà chỉ biết anh Vụ là người ở Cao Bằng có mua đất cạnh nhà anh để xây dựng nhà và có thuê anh trông nom công trình chỉ thuê miệng, không có hợp đồng thuê. Trong thời gian trông công trình anh có nhận nguyên vật liệu, nhận sơn của ông Kh giao cho nhưng anh chỉ nhận hộ còn việc anh Vụ và ông Kh thỏa thuận điện thoại cho nhau. Đến ngày 29/3/2019 anh Vụ bị chết Đt tử do đó ông Kh không đòi được tiền anh Vụ và có gọi anh ra nhà ông Kh nói chuyện rồi ông Kh đọc cho anh tự viết giấy nhận nợ tiền mua sơn tại bàn uống nước nhà ông Kh không có ai chứng kiến, anh có tự viết và tự ký tên Phạm Văn Đ trong giấy nhận nợ ngày 20/5/2020. Anh xác nhận không mua sơn nhà ông Kh và không mua nguyên vật liệu của ông Kh. Nay ông Kh khởi kiện anh không nợ nên không trả. Tại giấy bán hàng có ghi 30/12/2018 “Đ nợ” 5.580.000 đồng không phải chữ của anh, anh khẳng định không nợ khoản này, không ký vào số tiền nợ nên không có nghĩa vụ trả. Nay anh xác định không nợ nên không đồng ý trả ông Kh số tiền nào.

Tại phiên tòa hôm nay anh Đ có mặt và trình bày hiện nay mảnh đất và nhà của anh Vụ thì anh có để xe tải và không có ai sử dụng, vẫn bỏ không. Anh không nhận sơn, không mua nguyên vật liệu, không vay khoản tiền nào nên không nợ tiền, không trả.

- *Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà là chị gái vợ của anh Đ ở cùng thôn, bà có biết việc anh Đ trông nom công trình xây dựng nhà ở cho anh Bê Ích Vụ vào năm 2018. Anh Vụ có làm lái xe theo chuyến thuê lái, chứ không có hợp đồng thuê, bà không có quan hệ họ hàng, ruột thịt hay quan hệ gần bó mật thiết gì với anh Vụ nên không có thông tin gì về thân nhân của anh Vụ chỉ biết anh Vụ chưa có vợ và là người Cao Bằng có mua đất cạnh nhà anh Đ để xây dựng nhà và có thuê anh Đ trông nom công trình chỉ thuê miệng, không có hợp đồng thuê. Đến tháng 3/2019 anh Bê Ích Vụ chết đột tử, hiện nay mảnh đất và nhà không có ai sử dụng vẫn bỏ không.

Trong thời gian trông công trình anh Đ giao dịch mua bán với anh Đ như thế nào bà không biết. Bà xác định nhà đất đó không phải của bà. Giữa anh Đ, ông Kh mua bán những gì bà không biết. Tại giấy bán hàng ông Kh có ghi là Tâm Đ lấy sơn cho T là tự ông Kh viết chứ bà không ký chữ nào và cũng không nhận loại hàng nào nên không liên quan gì đến ông Kh, và ông Đ trong hợp đồng mua bán giữa các bên. Bà xác định chưa bao giờ giao dịch và mua bán gì với ông Kh liên quan đến loại sơn và không được sử dụng sơn gì của ông Kh và cũng chưa bao giờ mang tiền đến để thanh toán với ông Kh lần nào.

Tại phiên toà bà T vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đảm bảo theo quy định.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kh buộc anh Đ phải trả cho ông Kh số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi **10.902.778 đồng**. Không chấp nhận yêu cầu của ông Kh buộc anh Đ phải trả số tiền lãi là 297.222 đồng. Về án phí ông Kh được miễn án phí, anh Đ **phải chịu 3.045.138 đồng** tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết: Ông Kh khởi kiện yêu cầu trả số tiền mua nguyên vật liệu, mua sơn đối với ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1971. Nơi cư trú: thôn Đồi Chính, xã Đại Hóa, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên đã thụ lý giải vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản là đúng pháp luật, đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định.

Tại phiên tòa, bà T đã có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy: Tại đơn khởi kiện ông Kh yêu cầu ông Đ trả số tiền mua sơn nên đã xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Tuy nhiên tại phiên toà ông Kh thừa nhận có bán sơn và có cho vay thêm 7.820.000 đồng, sau đó chốt nợ tại giấy nhận nợ ngày 20/5/2020 với số tiền nhận nợ là 50.000.000 đồng nên HĐXX xác

định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản” để đảm bảo quy định.

[3] Xét yêu cầu của ông Trần Văn Kh: Hội đồng xét xử thấy sau khi hai bên thỏa thuận mua bán tài sản, ông Kh đã giao đủ số lượng, chủng loại cho anh Đ đã nhận đủ hàng nên giữa các bên không tranh chấp về số lượng, chất lượng, chủng loại, giá cả mà chỉ tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ. Tại bản tự khai do chính anh Đ tự viết: “tổng số tiền mua sơn là 42.180.000 đồng và ông Kh sẽ cho anh tiền chiết khấu mà lại kiện” và tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2022 của anh Đ đã thừa nhận có nhận nguyên vật liệu và nhận sơn của ông Kh giao nhưng chỉ nhận hộ nhưng tại phiên tòa anh Đ không thừa nhận việc anh có nhận sơn từ ông Kh. Anh Đ cũng thừa nhận tự viết giấy chốt nợ tiền mua sơn ngày 20/5/2020 và ký tên Phạm Văn Đ. Mặc dù giấy chốt nợ ghi anh Phạm Văn Đ mua sơn nhà của ông Kh với số tiền là 50.000.000 đồng, tuy nhiên ông Kh cũng xác định là giấy chốt nợ là 50.000.000 đồng nhưng thực tế là tiền mua sơn nợ là 42.180.000 đồng và tiền anh Đ vay là 7.820.000 đồng. Như vậy anh Đ có chốt khoản tiền nợ với ông Kh tại giấy nhận nợ ngày 20/5/2020 (dương lịch) các bên chốt nợ là 50.000.000 đồng, anh Đ tự tay viết, tự tay ký tên “Đ” và ghi “Phạm Văn Đ” tại phần “người nợ tiền ký” là đúng sự thật. Anh Đ cho rằng anh chỉ trông nom công trình hộ cho người khác, không có hợp đồng thuê nhưng anh Đ có thừa nhận anh có nhận sơn của ông Kh giao, do đó anh xác định không mua hàng và không nợ nên không trả ông Kh nhưng anh Đ không cung cấp chứng cứ, chứng minh cho Tòa án. Ông Kh xác định ông thỏa thuận với anh Đ và giao hàng trực tiếp cho anh Đ nhận nên ông yêu cầu anh Đ thanh toán số tiền nợ. Hội đồng xét xử xét thấy việc mua bán và ký nhận nợ được thực hiện bởi giao dịch giữa anh Đ và ông Kh, theo sự thừa nhận của các bên thì bên bán hàng là ông Kh đã giao đủ số lượng, chủng loại cho bên mua là anh Đ đã nhận đủ hàng và ký nhận về số lượng sơn nhà nhưng anh Đ chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Kh nên nghĩa vụ trả tiền thuộc về anh Đ phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông Kh. Nay ông Kh chưa nhận được số tiền mà anh Đ phải thanh toán nên cần buộc anh Đ phải thanh toán trả ông Kh số tiền nhận nợ là 50.000.000 đồng là có căn cứ.

Về tiền lãi giấy chốt nợ ngày 20/5/2020 thỏa thuận trả lãi theo ngân hàng hàng tháng tuy nhiên không nêu cụ thể lãi suất bao nhiêu, nay ông Kh yêu cầu anh Đ trả lãi nhưng anh Đ không đồng ý trả và không thừa nhận việc nợ ông Kh, hai bên có tranh chấp về lãi suất nên lãi suất được xác định là 10%/ năm. Ông Kh yêu cầu anh Đ trả tiền lãi từ ngày 20/5/2020 đến ngày 31/8/2022, còn số tiền lãi suất kể từ ngày 01/9/2022 đến ngày xét xử ông Kh tự nguyện miễn cho anh Đ. Theo đó, anh Đ có trách nhiệm trả tiền lãi cho ông Kh từ ngày 20/5/2020 đến ngày 31/8/2022 số tiền là: 50.000.000 đồng x 10%/ năm x 27 tháng 11 ngày là 11.402.778 đồng. Tại phiên tòa ông Kh yêu cầu anh Đ phải trả số tiền lãi là 11.700.000 đồng là cao hơn theo quy định của pháp luật nên chỉ chấp nhận yêu cầu của ông Kh buộc anh Đ phải trả số tiền lãi 11.402.778 đồng. Ông Kh trình bày anh Đ đã trả 500.000 đồng tiền lãi nên buộc anh Đ phải tiếp tục trả cho ông Kh số tiền lãi là 10.902.778 đồng.

Đối với khoản nợ ông Kh trình bày anh Đ còn mua hàng của ông Kh các ngày tính từ ngày 25/9/2018 đến ngày 8/10/2018 đã trừ chiết khấu số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền còn nợ tính đến ngày 30/12/2018 chốt số tiền 5.580.000 đồng và anh Đ ghi chữ “Đ nợ”. Đến ngày 20/5/2020 anh Đ trả số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền còn nợ là 3.580.000 đồng. Ông Kh yêu cầu anh Đ trả đối với khoản này là 3.580.000 đồng và không yêu cầu lãi suất. Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 30/8/2022 ông Kh đã tự nguyện xin rút phần yêu cầu về số tiền gốc mua nguyên vật liệu xây dựng là 3.580.000 đồng. HĐXX xét thấy việc rút một phần yêu cầu về số tiền nợ gốc trong yêu cầu khởi kiện của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút của ông Kh là phù hợp quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Theo sự thừa nhận của ông Kh thì số tiền 50.000.000 đồng là tài sản của cá nhân ông Kh bán cho cá nhân anh Đ nên ông chỉ yêu cầu cá nhân anh Đ trả nợ cho ông. Chị Tâm là vợ anh Đ trình bày không biết về anh Đ còn nợ tiền son của ông Kh nên chị Tâm không có nghĩa vụ thanh toán trả số tiền.

[4] Về lãi suất phát sinh do chậm trả tiền: Do hai bên đương sự không thỏa thuận được mức lãi suất chậm trả tiền nên HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để ấn định mức lãi suất chậm trả tiền.

[5] Về án phí: Yêu cầu của ông Kh được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 430, Điều 431, Điều 440 Bộ luật Dân sự.

Điều 463; Điều 466; khoản 2 Điều 468; Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu về số tiền nợ gốc 3.580.000 đồng đã rút của nguyên đơn ông Trần Văn Kh

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Kh đối với anh Phạm Văn Đ.

Buộc anh Phạm Văn Đ phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho ông Trần Văn Kh số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và số tiền lãi suất là **10.902.778 đồng.**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu 3.045.138 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

Giáp Thị Hiền Trần Văn Thiện

Nguyễn Thị Duyên